

Số: 125 /TTr-UBND

An Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 801/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị thuộc Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014;

Căn cứ Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Long Xuyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Long Xuyên giai đoạn 2017 - 2020 định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 758/SXD-QH ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên tại Tờ trình 58/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc thẩm định Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang xem xét, thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”, với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. Sự cần thiết lập đề án:

Tỉnh An Giang là một trong 04 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; phía Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Tây Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang, phía Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ. Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 02 thành phố trực thuộc tỉnh là Long Xuyên và Châu Đốc, 01 thị xã Tân Châu và 08 huyện; diện tích tự nhiên 3.536,7 km². Thành phố Long Xuyên hiện nay có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 11 phường và 02 xã với tổng diện tích tự nhiên 11.496,44 ha, dân số thường trú năm 2019 là 272.229 người.

Thành phố Long Xuyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh An Giang, thành phố tỉnh lỵ của tỉnh An Giang, có vai trò quan trọng trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước (dân số đứng thứ 02 vùng Đồng bằng sông Cửu Long, sau thành phố Cần Thơ). Long Xuyên có vị trí chiến lược trong vùng, là điểm giao thoa giữa hai khu vực năng động của vùng đô thị trung tâm và tứ giác Long Xuyên; nằm trong trung tâm của vùng tam giác phát triển bao gồm thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Phnomenh và nằm trên các trục hành lang kinh tế đô thị quốc tế, quốc gia. Có lợi thế kết nối thuận lợi với các vùng của quốc gia, quốc tế bằng đường bộ (Quốc lộ 91, cao tốc Bắc Nam phía Tây – cầu Vàm Cống) và đường thủy (sông Hậu).

Thành phố Long Xuyên được công nhận là đô thị loại II theo Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, đến nay Thành phố đã có những bước phát triển vững chắc về mọi mặt, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích

cực, tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Các công trình phục vụ công cộng và cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị được đầu tư và xây dựng tương đối đồng bộ, ngày càng hoàn thiện trên nhiều lĩnh vực, tạo bộ mặt đô thị ngày càng khang trang: xanh, sạch, đẹp. Chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày càng được nâng lên, vệ sinh môi trường được đảm bảo. Không gian đô thị đã được đầu tư và xây dựng tương đối đồng bộ, tỷ lệ đô thị hóa cao, tác động và thúc đẩy đô thị hóa khu vực lân cận sang chuỗi đô thị huyện Thoại Sơn.

Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 xác định thành phố Long Xuyên là đô thị loại I, trung tâm tăng trưởng kinh tế, trung tâm thương mại dịch vụ của tiểu vùng giữa đồng bằng tại khu vực phía Nam sông Hậu; là Trung tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ, trung tâm công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội đối với tỉnh An Giang, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Quyết định số 1659/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020, Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Long Xuyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 đã xác định phát triển thành phố Long Xuyên trở thành một đô thị văn minh, hiện đại và trở thành đô thị loại I trước năm 2020.

Với vai trò và tính chất như trên, việc đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang là cần thiết, phù hợp với định hướng Quy hoạch kinh tế-xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Long Xuyên và Quy hoạch vùng huyện Thoại Sơn. Đây là cơ sở góp phần phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo sức lan tỏa cho phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và cấp vùng, nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị và phát triển kinh tế, xứng đáng là trung tâm tổng hợp của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

II. Đánh giá các yếu tố cơ bản phân loại đô thị thành phố Long Xuyên mở rộng:

Đối chiếu với Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị.

Xét tổng quan thành phố Long Xuyên mở rộng đã có những bước phát triển cơ bản hội đủ các tiêu chí của đô thị loại I, với 05 tiêu chí đã đạt được như sau: *(Đính kèm bảng tổng hợp tiêu chí, đánh giá).*

1. Tiêu chí: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt: **15,83/20 điểm.**

2. Tiêu chí: Quy mô dân số đạt: **6,5/8,0 điểm.**

3. Tiêu chí: Mật độ dân số đạt: **4,5/6,0 điểm.**

4. Tiêu chí: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: **6,0/6,0 điểm**.

5. Tiêu chí: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: **54,69/60,0 điểm**.

* Tổng hợp tiêu chí phân loại đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị, thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I với tổng số điểm là **87,52/100 điểm**.

(Theo quy định tại Điểm 3, Điều 10, Chương III Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì đô thị được công nhận loại đô thị khi các tiêu chí đạt mức tối thiểu và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên).

III. Kiến nghị:

Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang” cơ bản tuân thủ theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang, làm cơ sở trình Bộ Xây dựng thẩm định Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Long Xuyên;
- VPUBND tỉnh: LĐVP và phòng KTN, TH;
- Lưu VT.

(Đính kèm bảng tổng hợp các chỉ tiêu, dự thảo Nghị quyết và văn bản liên quan)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU PHÂN LOẠI ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN MỞ RỘNG LÀ ĐÔ THỊ LOẠI I**

(Đính kèm Tờ trình số /TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh An Giang)

Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		Điểm
								15,83

Mã	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại I		Hiện trạng	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cần dưới	Cần trên	2019	
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	lần	2,25	3,00	1,75	2,1	1,79	2,33
1.2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		2,25	3,00	Tăng tỷ trọng CN, XD hoặc tăng tỷ trọng DV giảm nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	Tăng tỷ trọng CN, XD và DV, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	Tăng tỷ trọng CN, XD và DV, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3,00
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	1,50	2,00	7	9	10,15	2,00
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,50	2,00	6	5,5	0,76	2,00
1.2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	2,25	3,00	1,6	2	0,98	0,00
II	Quy mô dân số		6,00	8,00				6,50
2.1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	1,50	2,00	500	1.000	512,7	1,51
2.2	Dân số nội thị	1.000 người	4,50	6,00	200	500	297,0	4,99
III	Mật độ dân số		4,50	6,00				4,50
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km ²	1,00	1,50	2.000	3.000	875	0,00
3.2	Mật độ dân số khu vực nội thị	người/km ²	3,50	4,50	10.000	12.000	13.645	4,50
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	4,50	6,00				6,00
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	1,00	1,50	65	75	77,70	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	3,50	4,50	85	90	97,23	4,50
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị		45,00	60,00				54,69
5.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		7,50	10,00				7,50
5.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở		1,50	2,00				1,00
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² sàn/người	0,75	1,00	26,5	29	25,2	0,00
2	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị	%	0,75	1,00	90	95	98,0	1,00

STT	Các yêu cầu đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại II		Hiện trạng 2019	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cần đạt	Cần trên		
5.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng		6,00	8,00				6,50
1	Chỉ tiêu đất dân dụng	m ² /người	0,75	1,00	54	61	59,73	0,95
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² /người	0,75	1,00	4	5	4,60	0,90
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m ² /người	0,75	1,00	1,5	2	1,08	0,00
4	Cơ sở y tế cấp đô thị	giường/ 1.000ng	0,75	1,00	2,4	2,8	4,39	1,00
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	cơ sở	0,75	1,00	20	30	26,00	0,90
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	10	14	10,00	0,75
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	7	10	12,00	1,00
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	10	14	21,00	1,00
5.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		10,50	14,00				12,89
5.2.1	Các tiêu chuẩn về giao thông		4,50	6,00				5,00
1	Đầu mối giao thông	cấp	1,50	2,00	Quốc gia	Quốc tế	Quốc tế	2,00
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	0,75	1,00	16	24	25,97	1,00
3	Mật độ đường giao thông (MC lòng đường $\geq 7,5m$)	km/km ²	0,75	1,00	10	13	6,80	0,00
4	Diện tích đất giao thông/dân số	m ² /người	0,75	1,00	13	15	19,04	1,00
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	0,75	1,00	15	20	20,00	1,00
5.2.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng		2,25	3,00				2,89
1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	0,75	1,00	850	1000	934	0,89
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	0,75	1,00	95	100	100,0	1,00
3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	0,75	1,00	60	85	85,0	1,00
5.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước		2,25	3,00				3,00
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nội thị	l/ng.ngđ	0,75	1,00	120	130	161,8	1,00
2	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch khu vực nội thị	%	1,50	2,00	95	100	100,0	2,00
5.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông		1,50	2,00				2,00
1	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và di	thuê bao	0,75	1,00	25	30	32,2	1,00

STT	Các văn bản pháp luật	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại I		Hiện trạng 2019	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cải thiện	Cải thiện		
	động)	int/100ng						
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số	%	0,75	1,00	95	100	100,0	1,00
5.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường		10,50	14,00				13,01
5.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng		2,25	3,00				3,00
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	1,50	2,00	4	4,5	6,68	2,00
2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	0,75	1,00	20	50	50	1,00
5.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải		3,75	5,00				4,75
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	0,75	1,00	70	85	100,00	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	0,75	1,00	40	50	40,0	0,75
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	0,75	1,00	90	100	100,0	1,00
4	Tỷ lệ CTR được xử lý hợp vệ sinh	%	0,75	1,00	80	90	90,0	1,00
5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	0,75	1,00	90	100	100	1,00
5.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ		1,50	2,00				1,75
1	Nhà tang lễ	cơ sở	0,75	1,00	2	4	2	0,75
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	0,75	1,00	20	25	29	1,00
5.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị		3,00	4,00				3,51
1	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² /người	1,50	2,00	10	15	10,1	1,51
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m ² /người	1,50	2,00	5	6	9,1	2,00
5.4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị		7,50	10,00				9,50
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		1,50	2,00	Đã có quy chế	Đã có quy chế tối thiểu 2 năm	Đã có quy chế	1,50
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	%	1,50	2,00	50	60	90,2	2,00
3	Số lượng dự án cải tạo chỉnh trang đô thị	dự án	1,50	2,00	4	6	26	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	1,50	2,00	5	7	21	2,00

STT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại I		Hiện trạng 2019	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cấp dưới	Cấp trên	Cấp Quốc gia	2,00
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu		1,50	2,00	Cấp tỉnh	Cấp Quốc gia	Cấp Quốc gia	2,00
5.5	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị		9,00	12,00				11,79
1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		3	4				3,79
1.1	Trường học	%	0,75	1,00	50	60	65,3	1,00
1.2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	0,75	1,00	45	60	100,0	1,00
1.3	Chợ nông thôn	%	0,75	1,00	70	80	75,0	0,88
1.4	Nhà ở dân cư	%	0,75	1,00	80	90	86,5	0,91
2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		3	4				4,00
2.1	Giao thông	%	2,25	3,00	50	60	92,7	3,00
2.2	Điện	%	0,75	1,00	85	90	99,6	1,00
3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường		1,5	2				2,00
3.1	Môi trường	%	1,50	2,00	65	70	97,5	2,00
4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị		1,5	2				2,00
4.1	Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái phục hồi, bảo vệ	%	1,50	2,00	80	90	100	2,00
Tổng cộng với hạng phần bổn đô thị			75,00	100,00				87,52

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 3 năm 2020

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”. (Đề án đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang hoàn chỉnh hồ sơ và các thủ tục có liên quan trình Bộ Xây dựng thẩm định Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận thành phố Long Xuyên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 13 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo AG;
- Đài PT-TH AG, Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt